

Số: *3495*/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *18* tháng *9* năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh, hạng mục: cắm mốc ranh giới sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất cho các Ban quản lý rừng, Khu bảo tồn, Vườn quốc gia, các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập đề án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất quy định việc lập đề án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 49/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật phân định địa giới hành chính và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp;

Căn cứ Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BTNMT ngày 18/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc quy định giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 782/TTr-STNMT ngày 11/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh, hạng mục: cắm mốc ranh giới sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất cho các Ban quản lý rừng, Khu bảo tồn, Vườn quốc gia, các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với các nội dung chính sau:



1. Tên đề án

“Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh, hạng mục: cắm mốc ranh giới sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất cho các Ban quản lý rừng, Khu bảo tồn, Vườn quốc gia, các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam”.

2. Chủ quản đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

4. Về thiết kế kỹ thuật, các giải pháp công nghệ

Nội dung nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật và các giải pháp kỹ thuật theo nội dung phần II của “Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh, hạng mục: cắm mốc ranh giới sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất cho các Ban quản lý rừng, Khu bảo tồn, Vườn quốc gia, các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam” do Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam lập (Thiết kế kỹ thuật - dự toán đính kèm).

5. Về khối lượng công việc: Qua điều tra khảo sát ranh giới cắm mốc ranh giới sử dụng đất cho các Ban quản lý rừng, Khu bảo tồn, Vườn quốc gia, các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (theo bản đồ địa chính đã được lập). Khối lượng được xác định như sau:

a) Cắm mốc ranh giới sử dụng đất.

- Rà soát, xác định ranh giới: 8.005 km;

- Cắm mốc, đo đạc xác định tọa độ mốc và đường ranh giới sử dụng đất: 6.317 mốc (đã trừ 1.970 mốc đã được cắm theo kinh phí thu dịch vụ môi trường rừng);

- Xác định mốc đặc trưng: 1.575 mốc.

- Xây dựng bản đồ giao mốc:

+ Tỉ lệ 1/10.000 (đối với Ban quản lý rừng, Vườn quốc gia, khu bảo tồn): 268 mảnh.

+ Tỉ lệ 1/5.000 (đối với 02 công ty): 17 mảnh.

b) Tích hợp dữ liệu địa chính đất nông lâm trường vào cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương.

Khối lượng tích hợp dữ liệu địa chính là 77 xã/011 huyện.

c) Số xã có đất 77 xã/11 huyện, gồm:

+ 01 Vườn Quốc gia Bạch Mã: 02 xã A Ting và xã Sông Kôn, huyện Đông Giang.

+ Khu Bảo tồn Thiên nhiên Sông Thanh: 08 Xã: Tà Bhing, Chà Val, La Dêê, Đăk Tôi, Tà Pơ, Đăk Pring, Đăk Pre, Ca Dy - huyện Nam Giang; 04 Xã: Phước Xuân, Phước Năng, Phước Mỹ, Phước Công - huyện Phước Sơn.

+ Khu bảo tồn Sao La: 02 xã: A Vương, Bha Lêê - huyện Tây Giang; 02 xã: Tà Lu, Sông Kôn - huyện Đông Giang.

+ Khu bảo tồn Voi: 02 Xã: Phước Ninh và Quế Lâm - huyện Nông Sơn.

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh: 05 xã: Tà Linh, Trà Tập, Trà Leng, Trà Cang, Trà Don - huyện Nam Trà My.

+ BQLPH Bắc Sông Bung: 05 Xã: Lăng, Trhy, A Xan, Ch'om, Gary - huyện Tây Giang.

+ BQLPH Sông Kôn: 08 xã: Mà Cooih, Za Hung, Tà Lu, Ba, Tư, A Ting, Sông Kôn, Jơ Ngây, Ka Dăng - huyện Đông Giang; 01 xã: Đại Hung - huyện Đại Lộc.

+ BQLPH A Vương: 06 Xã: lăng, A Tiêng, A Nông, A Vương, Bhalê, Dang - huyện Tây Giang; 05 Xã: Za Hung, Tà Lu, A Rooi, Prao, Mà Cooih - huyện Đông Giang.

+ BQLPH Nam Sông Bung: 9 xã: Thị trấn Thạnh Mỹ, Tà Bỉnh, ChaVal, La Êê, Zuôih, Đăk Tôi, Chợ Chum, Đăk Pring, Đăk Pre - huyện Nam Giang.

+ BQLPH Đăk Mi: 11 xã: Phước Xuân, Phước Năng, Phước Mỹ, Phước Công, Phước Hòa, Phước Đức, Phước Chánh, Phước Lộc, Phước Kim, Phước Thành và thị trấn Khâm Đức - huyện Phước Sơn.

+ BQLPH Phú Ninh: 04 xã: Tam Đại, Tam Dân, Tam Lãnh - huyện Phú Ninh; 05 xã: Tam Mỹ Tây, Tam Sơn, Tam Thạnh, Tam Trà, Tam xuân 2 - huyện Núi Thành.

+ BQLPH Sông Tranh: 01 xã: Phước Kim- huyện Phước Sơn; 04 xã: Trà Giác, Trà Bui, Trà Đốc, Trà Tân - huyện Bắc Trà My; 11 xã: Trà Nam, Trà Don, Trà Cang, Trà Leng, Trà Tập, Trà Mai, Trà Vân, Trà Don, Trà Nam, Trà Linh, Trà Vinh - huyện Nam Trà My.

+ Công ty Cổ phần nông lâm nghiệp Quảng Nam: 05 xã: Tam Anh Bắc, Tam Thạnh, Tam Hiệp, Tam Xuân 1, Tam Xuân 2 - huyện Núi Thành; 05 xã: Tiên Hiệp, Tiên Châu, Tiên Cẩm, Tiên Cảnh, Tiên Hà - huyện Tiên Phước.

+ Công ty Cổ phần lâm đặc sản Quảng Nam: Xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh.

6. Kinh phí thực hiện. Tổng khái toán kinh phí thực hiện Đề án là 87.267.968.000 đồng.

(Tám mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng), trong đó:

- Chi phí cắm mốc ranh giới và tích hợp cơ dữ liệu: 60.375.474.000 đồng.
- Chi phí chung: 11.645.245.000 đồng.
- Chi phí kiểm tra nghiệm thu: 2.932.804.000 đồng.
- Chi phí khảo sát lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán: 419.854.000 đồng.
- Chi phí chịu thuế tính trước: 3.961.139.000 đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: 7.933.452.000 đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: 7.938.781.000 đồng.

7. Nguồn vốn: Chủ yếu từ nguồn ngân sách Trung ương và một phần của địa phương hỗ trợ.

8. Tiến độ thực hiện:

- Xây dựng Đề án: Thực hiện trong năm 2017.
- Triển khai thực hiện các nội dung Đề án từ Quý I/2018 đến hết Quý I/2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì triển khai thực hiện đề án theo đúng các nội dung được phê duyệt và đảm bảo đúng tiến độ; báo cáo tình hình thực hiện về UBND tỉnh để theo dõi, thực hiện.

- Giao các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai thực hiện phương án đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Nam, Chủ tịch UBND các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Nông Sơn, Phú Ninh, Núi Thành, Đại Lộc, Tiên Phước; Chủ tịch UBND các xã và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\TAI 2017\QD\0927 QD phê duyệt
Đề án cam kết nông lâm trường.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Khánh Toàn